

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/DSST

Ngày 26 tháng 7 năm 2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Hồng Lam**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Dư Thị Út**

2. Bà **Lâm Thị Nguyệt Hồ**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Trần Mỹ Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 227/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 49/2018/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Ngọc H** – sinh năm 1959

Địa chỉ: Nhà không số, Hẻm B, Khóm H, Phường T, thành phố B, tỉnh B (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Trần Minh H** – sinh năm 1966

Địa chỉ: A13/148, Hẻm B, Khóm H, Phường T, thành phố B, tỉnh B (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Lê Thị P**

Địa chỉ: A13/148, Hẻm B, Khóm H, Phường T, thành phố B, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc H trình bày:

Vào khoảng tháng 4 năm 2010, bà H có cho ông Trần Minh H mượn số tiền 7.000.000 đồng, không tính lãi. Thỏa thuận trả mỗi ngày 100.000 đồng. Nhưng thực tế 01 tháng chỉ trả được 300.000 đồng, trả được 04 tháng tổng cộng là 1.200.000 đồng, còn nợ số tiền 5.800.000 đồng. Sau đó ông H đi chạy xe tải, bà H không gặp được ông H để đòi tiền. Đến ngày 23/9/2012, bà H vô tình gặp được ông H tại nhà ông H và đòi tiền ông H, ông H đuổi ra khỏi nhà, bà H và ông H giằng co với nhau, ông H đẩy quá mạnh làm bà H té bị gãy tay, bà H yêu cầu Công an phường 8 giải quyết. Ông H hứa trả tiền cho bà H nhưng sau đó lại bỏ đi làm, không gặp được.

Đến ngày 02/3/2014 bà H nhờ Ban nhân dân khóm can thiệp, thì ông H hứa trả cho bà H mỗi tháng 200.000 đồng, bà H đồng ý. Ông H chỉ gửi trả 02 tháng. Hiện nay còn nợ số tiền 5.400.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông H và bà Lê Thị P có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc là 5.800.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ tháng 8/2010 đến tháng 12/2017, 89 tháng, với mức lãi suất 1%/ mỗi tháng, thành tiền là 4.806.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc là 5.400.000 đồng, tiền lãi tính từ tháng 8/2010 đến nay ngày 26/7/2018, 95 tháng 26 ngày, với mức lãi suất 1%/ mỗi tháng, thành tiền là 5.176.800 đồng, không yêu cầu vợ ông H là bà P cùng trả.

Bị đơn ông Trần Minh H trình bày:

Vào năm 2012 (không nhớ ngày tháng), bà Phạm Thị Ngọc H có cho ông H vay số tiền 7.000.000 đồng, thỏa thuận lãi là 30%. Thỏa thuận trả mỗi ngày 100.000 đồng. Ông H trả được 1.200.000 đồng, còn nợ lại 5.800.000 đồng thì ông H không có khả năng trả. Ông H không nhớ đã trả cho bà H bao nhiêu tiền lãi.

Ngày 02/3/2014 ông H cam kết trả cho bà H mỗi tháng 200.000 đồng đến khi hết nợ, không tính lãi. Ông H có gởi tiền trả cho bà H vài tháng (không nhớ bao nhiêu tháng), sau đó bà H không đồng ý nhận nữa, nên ông H ngưng trả đến nay.

Tiền vay của bà H, ông H dùng để chi xài cá nhân, vợ ông H là bà Lê Thị P không biết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, ông H yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị P vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có lời trình bày.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật:

Tòa án thụ lý giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tuân thủ trình tự tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Các đương sự tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc H, buộc ông Trần Minh H trả cho bà H số tiền nợ gốc 5.400.000 đồng và tiền lãi được tính từ ngày 01/5/2012 đến ngày xét xử vụ án ngày 26/7/2018 là 74 tháng 26 ngày, mức lãi suất là 0,75%/tháng. Không chấp nhận đối với yêu cầu buộc ông Trần Minh H trả số tiền lãi còn lại của bà Phạm Thị Ngọc H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về thủ tục tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Minh H trả số nợ gốc là 5.400.000 đồng và tiền lãi. Ông H có nơi cư trú tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Về nội dung:

[1] Giao dịch vay tài sản giữa bà Phạm Thị Ngọc H và ông Trần Minh H đã thực hiện xong trước ngày 01/01/2017 và có tranh chấp, cho nên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết.

[2] Xét yêu cầu ông Trần Minh H trả số tiền nợ gốc 5.400.000 đồng của bà Phạm Thị Ngọc H.

Xét thấy , bà H và ông H cùng xác định bà H có cho ông H mượn tiền 7.000.000 đồng, khi mượn tiền không lập biên nhận. Sau đó, ông H đã trả cho bà H được tổng cộng số tiền 1.200.000 đồng, còn nợ lại số tiền 5.800.000 đồng. Đến ngày 02/3/2014 ông H có lập tờ cam kết, ông H có ký tên.

Căn cứ theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Như vậy, có căn cứ xác định đến ngày 02/3/2014 ông H còn nợ bà H số tiền 5.800.000 đồng.

Bà H xác định sau khi lập tờ cam kết ngày 02/3/2014 ông H trả được 02 tháng, mỗi tháng 200.000 đồng, số tiền tổng cộng 400.000 đồng, còn nợ số tiền 5.400.000 đồng. Ông H xác định sau khi lập tờ cam kết ngày 02/3/2014, ông H trả cho bà H được vài tháng, mỗi tháng 200.000 đồng, trả được tổng cộng bao nhiêu tiền ông H không nhớ. Do đó, có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bà H, ông H hiện còn nợ bà H số tiền 5.400.000 đồng.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà H, buộc ông H trả cho bà H số tiền gốc còn nợ là 5.400.000 đồng.

[3] Đối với tiền lãi:

Bà H yêu cầu ông H trả số tiền lãi được tính trên số nợ gốc 5.400.000 đồng, tiền lãi tính từ tháng 8/2010 đến ngày 26/7/2018 là 95 tháng 26 ngày, với mức lãi suất 1%/ mỗi tháng, thành tiền là 5.176.800 đồng.

Bà H yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ gốc là 5.400.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của bà H, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về thời gian tính lãi:

Bà H xác định cho ông H vay số tiền 7.000.000 đồng vào tháng 4 năm 2010. Ông H xác định vay tiền của bà H vào năm 2012, không nhớ ngày tháng. Sau đó, ông H đã trả cho bà H thêm được tổng cộng 1.600.000 đồng, hiện nay ông H còn nợ bà H số tiền 5.400.000 đồng. Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, người có yêu cầu có nghĩa vụ phải chứng minh. Bà H là người khởi kiện nên có nghĩa vụ phải chứng minh, nhưng bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông H vay tiền của bà H vào tháng 4/2010, cho nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bà H về thời gian cho vay tiền. Chấp nhận lời trình bày của ông H về việc ông H vay tiền của bà H vào năm 2012. Do ông H không xác định được ngày tháng vay tiền, nên xác định ông H vay tiền của bà H vào ngày 01/01/2012.

Bà H và ông H xác định khi cho ông H vay số tiền 7.000.000 đồng, thỏa thuận trả mỗi ngày 100.000 đồng. Như vậy trong thời gian 03 tháng sẽ trả hết nợ. Bà H xác định cho vay tiền không tính lãi, trong khoảng thời gian 04 tháng sau ngày cho vay tiền, ông H chỉ trả được số tiền 1.200.000 đồng. Ông H thì xác định khi vay tiền có thỏa thuận lãi 30% mỗi tháng, thỏa thuận trả gốc mỗi ngày 100.000 đồng, ông H trả được nợ gốc 1.200.000 đồng thì không có khả năng trả tiếp. Bà H xác định khi cho vay tiền không có tính lãi nhưng do ông H vi phạm thời gian trả nợ cho nên bà H yêu cầu tính lãi từ tháng thứ năm kể từ khi cho vay tiền. Đây là sự tự nguyện của bà H, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Do đó, thời gian tính lãi được tính từ ngày 01/5/2012 đến ngày xét xử vụ án ngày 26/7/2018 là 74 tháng 26 ngày.

Về lãi suất: Bà H xác định khi cho vay tiền không có tính lãi nhưng do ông H vi phạm thời gian trả nợ cho nên bà H yêu cầu tính lãi. Ông H xác định khi vay tiền có thỏa thuận tính lãi 30% mỗi tháng. Do có tranh chấp về lãi suất, cho nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005, mức lãi suất được tính theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố là 9%/năm, mỗi tháng là 0,75%/ tháng.

Như vậy, số tiền lãi ông H có trách nhiệm trả cho bà H là: 5.400.000 đồng x 74 tháng 26 ngày x 0,75%/tháng = 3.032.100 đồng.

Do bà H chỉ yêu cầu ông H có trách nhiệm trả số nợ gốc và tiền lãi, không yêu cầu vợ ông H là bà P cùng trả. Cho nên, ông H có trách nhiệm trả cho bà H số nợ gốc và lãi tổng cộng là 8.432.100 đồng.

[4] Án phí.

Ông Trần Minh H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu của bà H được chấp nhận.

Đối với một phần yêu cầu về tiền lãi không được chấp nhận, bà Phạm Thị Ngọc H phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 121; Điều 123; Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Điểm khoản Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc H đối với ông Trần Minh H.

2. Buộc ông Trần Minh H có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Ngọc H số tiền nợ gốc là 5.400.000 đồng, tiền lãi là 3.032.100 đồng. Tổng cộng 8.432.100 đồng.

3. Không chấp nhận đối với yêu cầu buộc ông Trần Minh H trả số tiền lãi 2.144.700 đồng của bà Phạm Thị Ngọc H.

5. Về án phí: Ông Trần Minh H phải nộp 421.605 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Phạm Thị Ngọc H phải chịu án phí 300.000 đồng. Bà Phạm Thị Ngọc H đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0007907 ngày 08 tháng 12 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Hồng Lam